

Số: 22/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 18 - 4 - 2022

Về việc: “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan P

2. Bà Võ Thị Bích N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-STHN, ngày 20 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐXX-STHN, ngày 17 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐXX-STHN, ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Diễm P, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số F13, đường Đinh Tiên H, Phường 8, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 179/10E, Đường 8/3, Phường 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2021 và các lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Hôn nhân giữa bà P và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vinh L vào ngày 30/10/2019. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Bắt đầu từ tháng 3 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không hợp nhau về tính tình, ông D không có trách nhiệm, ít quan tâm đến bà P, đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân, ông D không liên lạc để đưa ra phương án đoàn tụ. Bà P không muốn vợ chồng đoàn tụ, vì nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Bà P xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung, không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án; Thông báo

phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/11/2021, ngày 19/12/2021 và ngày 11/01/2022 để tham gia các phiên họp vào ngày 08/12/2021, ngày 27/12/2021 và ngày 20/01/2022 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 20/01/2022 và có ý kiến trình bày rằng, bà P bảo lưu lời khai tại phiên họp hòa giải ngày 20/01/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông D, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng vào các ngày 25/01/2022 và ngày 21/3/2022, để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần nhất ngày 17/02/2022 và lần hai vào ngày 18/4/2022 nhưng ông D vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không có lý do. Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà P và ông D theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa bà P và ông D có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 30/10/2019.

Xét lời khai của bà P cho rằng, nguyên nhân ly hôn là do đôi bên bất đồng quan điểm, có mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2021 cho đến tháng 5 năm 2021 và đã ly thân cho đến nay, bà P xác định không còn tình cảm với ông D. Đối với ông D vắng mặt các phiên họp hòa giải, cho đến tại phiên tòa sơ thẩm phía ông D cũng không có ý kiến phản hồi thông báo kết quả hòa giải đã được tổng đạt vào ngày 25/01/2022 nên phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, bà P xác định không có con chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà P phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số N⁰0000798 ngày 11/11/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Diễm P và ông Lê Văn Dũng.

2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số N⁰0000798 ngày 11/11/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông D không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các bên đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.